

LOCATION OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT RESOURCES
IN THE NORTHWEST REGION CONTRIBUTING TO PROTECTING
AND PROMOTING ETHNIC MINORITY CULTURAL VALUES IN CONNECTION
WITH COMMUNITY-BASED TOURISM DEVELOPMENT

Tran Quoc Hung

Vietnam Academy for Ethnic Minorities (VAEM)

Email: tranquochungxhh@gmail.com

Received: 26/01/2025; Reviewed: 22/02/2025; Revised: 12/3/2025; Accepted: 22/3/2025; Released: 30/3/2025

DOI: <https://doi.org/.../.../...>

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-9486-9783>

The Northwest of Vietnam is a geopolitical and geocultural region that plays a particularly important role in socio-economic development, ensuring national defense and security stability. Therefore, the sustainable development strategy of the Northwest region has always received special attention from our Party and State in policies, guidelines, and strategies.

Up to now, when referring to the Northwest region, we often have initial assumptions that it is a highland, remote, mountainous and extremely difficult area, inhabited by ethnic minorities. However, if we objectively and scientifically assess the situation, knowing how to seize opportunities and overcome challenges, the Northwest region is not a “poor core” but rather a region rich in resources and manpower. This is the potential and strength for the sustainable socio-economic development of the Northwest region.

Within the scope of this article, the author discusses identifying and locating resources in the process of sustainable development of the Northwest region through the protection and promotion of ethnic minority cultural values associated with the development of community tourism, a significant advantage for the socio-economic development of the Northwest region.

Keywords: Sustainable development; Protection and promotion; Cultural values; Ethnic minorities; Community tourism.

1. Mở đầu

- *Phát triển bền vững* là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

Phát triển bền vững bao gồm 4 nội dung chính: tăng trưởng kinh tế; bảo đảm công bằng xã hội; bảo vệ môi trường và tôn trọng các quyền con người. Khái niệm phát triển bền vững được xây dựng trên một nguyên tắc chung của sự tiến bộ loài người - nguyên tắc bảo đảm sự bình đẳng giữa các thế hệ.

Phát triển bền vững thể hiện quan điểm nhân văn, hiện đại hơn hẳn so với quan điểm “phát triển bằng bất kỳ giá nào”, bởi phát triển bằng mọi giá, là khai thác tối đa các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho hoạt động phát triển, không tính đến sự ảnh hưởng của nó đến chính quá trình phát triển.

Khái niệm phát triển bền vững xuất hiện rõ rệt lần đầu tiên trong “Chiến lược bảo tồn thế giới của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) năm 1980, song mới chỉ chủ yếu đề cập đến vấn đề bền

vững sinh thái.

Ngày nay, định nghĩa được chấp nhận một cách rộng rãi và cũng là định nghĩa trong “Báo cáo Brundtland” của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) của Liên hợp quốc năm 1987: “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương đến khả năng của các thế hệ tương lai đáp ứng các nhu cầu của họ”.

- *Giá trị và giá trị văn hóa*

Nhà xã hội học J.H. Fichter đã định nghĩa: “Theo cách mô tả chúng ta có thể nói rằng, tất cả những gì ích lợi, đáng ham chuộng hoặc đáng kính phục đối với con người hoặc nhóm, đều là có một giá trị” [J.H. Fichter, tr.173].

Đối với khái niệm về giá trị, các nhà xã hội học Việt Nam đã khẳng định rõ hơn yếu tố chủ thể thông qua nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể “... bất cứ sự vật nào cũng có thể xem là có giá trị, dù nó là vật thể hay tư tưởng, miễn là nó được người ta thừa nhận, người ta cần đến nó như một nhu cầu, hoặc cấp cho nó một vị trí quan trọng trong đời sống của họ... Trong mọi giá trị đều chứa đựng yếu tố

nhận thức, yếu tố tình cảm và yếu tố hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật, hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn và đánh giá của chủ thể”.

Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Giá trị là hệ thống những đánh giá mang tính chủ quan của con người về bất cứ một hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng những cái đó là cần, là tốt, là hay, là đẹp, nói theo cách của nhà triết học phương Tây một thời, đó chính là chân, thiện, mỹ, giúp khẳng định và nâng cao bản chất con người. Một khi những nhận thức giá trị ấy đã hình thành và định hình thì nó chi phối cách suy nghĩ, niềm tin, hành vi, tình cảm của con người” [Ngô Đức Thịnh, tr. 22].

Giá trị bao gồm giá trị cá nhân và giá trị xã hội. “Mỗi cá nhân có hệ thống giá trị riêng và hệ thống giá trị này tương đối ổn định. Giá trị của cá nhân bị ảnh hưởng bởi môi trường nuôi dưỡng, môi trường xã hội, kinh nghiệm và sự giáo dục của cá nhân” [Phạm Thị Thúy Hương và cộng sự, tr. 42]. Giá trị cá nhân là sự biểu hiện của giá trị xã hội, thông qua các giá trị cá nhân, ta có thể nhận biết được các giá trị xã hội. Từ đó, các tác giả đưa ra khái niệm “Giá trị văn hóa” (Cultural Value) là yếu tố cốt lõi của văn hóa, nó được sáng tạo và kết tinh trong quá trình lịch sử của mỗi cộng đồng, tương ứng với môi trường tự nhiên và xã hội nhất định. Giá trị văn hóa hướng đến thỏa mãn những nhu cầu và khát vọng của cộng đồng về những điều tốt đẹp (chân, thiện, mỹ). “Giá trị văn hóa luôn ẩn tàng trong bản sắc văn hóa, di sản văn hóa, biểu tượng, chuẩn mực văn hóa. Chính vì vậy mà văn hóa thông qua hệ giá trị của nó góp phần điều tiết sự phát triển xã hội” [Ngô Đức Thịnh, tr. 23].

Như vậy, mỗi cá nhân, cộng đồng, dân tộc trong quá trình lịch sử đã sáng tạo, nuôi dưỡng các giá trị văn hóa phục vụ cho nhu cầu đời sống của họ. Các giá trị văn hóa luôn được bồi đắp, duy trì, trao truyền cho các thế hệ hôm nay và mai sau và ngày càng trở nên phong phú hơn. Nó giúp cho mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc khẳng định bản sắc riêng có của mình thông qua các giá trị văn hóa cốt lõi.

- Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa

Trong các văn bản pháp lý của quốc tế và Việt Nam, ta thường nhắc đến các thuật ngữ: bảo vệ, bảo tồn, bảo quản. Nhận thấy, các thuật ngữ này có những nội dung tương đồng về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa nhằm hạn chế tình trạng xuống cấp, mai một, biến dạng văn hóa, cụ thể như sau:

Bảo vệ chứa đựng nội dung thực hành các hoạt động mang tính chất pháp lý hay nói cách khác, bảo vệ là “giữ không để cho bị xâm phạm”.

Bảo tồn mang ý nghĩa rộng hơn bảo vệ, là “hoạt

động giữ gìn một cách an toàn khỏi sự tổn hại, sự xuống cấp hoặc phá hoại” hay nói cách khác, bảo tồn có nghĩa là bảo quản giá trị hiện trạng và hạn chế tình trạng xuống cấp của giá trị đó.

Bảo quản mang nghĩa sử dụng những biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa, giữ gìn, hạn chế các nguy cơ bị hư hỏng của đối tượng được nguyên vẹn tồn tại lâu dài. [Lê Thị Thu Phương, tr. 33-34].

UNESCO đã định nghĩa “Bảo vệ” là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyên giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này. “Danh từ “Bảo vệ” có nghĩa là việc thông qua các biện pháp nhằm bảo tồn, gìn giữ và tăng cường sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Động từ “Bảo vệ” có nghĩa là thông qua các biện pháp đó”.

Từ điển tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê cho rằng: phát huy là “làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm” [Hoàng Phê, tr.768].

Phát huy giá trị di sản là những hành động nhằm đưa di sản văn hóa vào trong thực tiễn xã hội, coi đó như là nguồn nội lực, tiềm năng góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người, thể hiện tính mục tiêu của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội [Lê Thị Thu Phương, tr. 35].

Như vậy, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa là hai nội dung của một thể thống nhất, có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng và tương hỗ lẫn nhau trong quá trình phát triển văn hóa. Có bảo vệ giá trị văn hóa tốt thì mới có thể phát huy giá trị văn hóa hiệu quả và phát huy giá trị văn hóa hiệu quả là cơ sở để bảo tồn tốt. Tuy nhiên, trong thực tiễn khi vận dụng quan điểm lý thuyết bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa cũng cần hết sức linh hoạt, sáng tạo, tránh cứng nhắc, dập khuôn máy móc để gây ra tác dụng ngược đến giá trị văn hóa.

- Du lịch cộng đồng

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu thăm quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định. Bên cạnh tham quan danh lam thắng cảnh, gần đây Việt Nam bắt đầu triển khai loại hình du lịch mới, trong đó có loại hình du lịch đặc trưng mang tên du lịch cộng đồng (DLCĐ).

Trong lĩnh vực du lịch hiện nay, DLCĐ đang là một thách thức đối với người thực hiện du lịch tại cộng đồng đó. Bởi DLCĐ là do chính người dân địa phương phối hợp tổ chức, làm chủ để đem lại lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường chung thông qua việc

giới thiệu với du khách các nét đặc trưng của địa phương (phong cảnh, văn hóa).

Bắt đầu xuất hiện từ đầu thế kỷ XX, DLCĐ có các cách nhìn nhận và hiểu biết khác nhau về khái niệm này, tùy thuộc vào tác giả, khu vực địa lý hoặc nghiên cứu/dự án cụ thể.

Tuy nhiên, vẫn có một số nguyên tắc được áp dụng chung như: các nguyên tắc về tính bền vững; sự tham gia và lợi ích của các cộng đồng địa phương.

DLCĐ dựa trên sự tò mò, mong muốn của khách du lịch để tìm hiểu thêm về cuộc sống hàng ngày của người dân từ các nền văn hóa khác nhau. DLCĐ thường liên kết với người dân thành thị đến các vùng nông thôn để thưởng thức cuộc sống tại đó trong một khoảng thời gian nhất định.

Các hình thức DLCĐ: du lịch sinh thái; du lịch văn hóa; du lịch nông nghiệp; du lịch bán/làng; nghệ thuật và thủ công mỹ nghệ...

Phát triển DLCĐ cần các yếu tố đặc biệt về tài nguyên văn hóa: lễ hội, văn hóa truyền thống, đặc sản ẩm thực; tài nguyên môi trường: động thực vật, cảnh quang sinh thái... Nhưng chắc chắn để hình thành và phát triển được DLCĐ thì ngoài các tài nguyên du lịch trên cần phải có các yếu tố hạ tầng tốt.

DLCĐ mang lại cho du khách những trải nghiệm về cuộc sống địa phương, do chính cộng đồng địa phương hỗ trợ du khách tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch bao gồm: du lịch sinh thái, du lịch nghệ truyền thống làng nghề thủ công, nông - lâm - ngư nghiệp. Trên cơ sở đó, cộng đồng địa phương sẽ bảo tồn được văn hóa truyền thống, môi trường sống, thu được các lợi ích về KT - XH từ các hoạt động du lịch và chịu trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và văn hóa địa phương.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Vấn đề bảo vệ và phát huy (BV&PH) giá trị văn hóa là chủ đề được nhiều học giả, nhà quản lý quan tâm nghiên cứu dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Với công trình *Di sản: quản lý, diễn giải và bản sắc*, Peter Howard cho rằng, vấn đề quản lý văn hóa được đặt ra vào khoảng đầu thế kỷ XIX, xuất phát từ những cá nhân có tình yêu và sự say mê đối với di sản nhằm mục đích bảo tồn di sản để gìn giữ những thứ vì lợi ích của công chúng. Tác giả đã phân di sản theo các lĩnh vực: thiên nhiên, cảnh quan, đài kỷ niệm, khu di tích, đồ tạo tác, các hoạt động và con người. Tác giả cho rằng, các nhà quản lý luôn phải đặt ra câu hỏi: Chúng ta cần phải bảo tồn cái gì? Tại sao phải bảo tồn? Bảo tồn cho ai? Việc bảo tồn nhằm gìn giữ lại tối đa những giá trị của di sản, làm cơ sở để khai thác, phát huy các giá trị đó trong đời sống. Việc khai thác, phát huy giá trị là điều cần làm để di sản thực sự trở thành một bộ phận của cuộc sống

hiện tại.

Tác giả Brian Garrod, Alan Fayall trong nghiên cứu về quản lý di sản và du lịch lại thừa nhận cần có sự cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, nếu di sản không được bảo vệ, giữ gìn thì sẽ bị mất, không còn gì để lại cho thế hệ mai sau. “Khi các nhà quản lý di sản văn hóa (DSVH) nghiên cứu, bàn thảo về kế hoạch bảo tồn, họ quan tâm nhiều đến việc duy trì nguồn tài nguyên ở một mức độ bền vững”.

Arthur Perderson trong “*Tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý khu di sản thế giới*” đã đề ra các phương án quản lý di sản trước sự tác động của du lịch cần khoanh vùng cho các hoạt động tương thích, giảm bớt lượng khách vào một số khu vực, thậm chí đóng cửa một số khu vực của di sản.

Ở Việt Nam, những vấn đề lí luận về BV&PH giá trị văn hóa như vai trò, chức năng của văn hóa đối với việc lựa chọn mô hình phát triển văn hóa dân tộc và một số bài học kinh nghiệm BV&PH giá trị DSVH tại Nhật Bản được tác giả Hoàng Vinh đề cập đến trong công trình “*Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*”. Tuy nhiên, cuốn sách mới chỉ nghiên cứu giá trị văn hóa nói chung mà chưa đi sâu nghiên cứu về vấn đề BV&PH giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS).

Tác giả Nguyễn Chí Bền đã làm rõ cơ sở lí luận và thực tiễn kinh nghiệm bảo tồn, phát huy DSVH qua cuốn “*Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*”. Tác giả Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Kim Dung, đã có những nội dung “*Tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ DSVH phi vật thể ở Việt Nam*”. Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, tác giả chọn lọc, kế thừa nhằm nhận diện trong bài viết về giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, BV&PH giá trị văn hóa.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo được viết dựa trên các dữ liệu thu thập từ tài liệu, báo cáo của các cơ quan, ban, ngành của Trung ương và địa phương như: Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Viện Dân tộc học, Học viện Dân tộc...

Cách tiếp cận: Vấn đề BV&PH giá trị văn hóa dân tộc là một vấn đề lớn và phức tạp. Vấn đề này được các cơ quan tổ chức chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức khoa học tiếp cận qua nhiều góc độ khác nhau như: Từ phía quản lý nhà nước, vai trò của cộng đồng, hay tiếp cận từ Top - down (trên - xuống), Bottom - up (dưới - lên)... Trong phạm vi của bài viết, tác giả tiếp cận từ góc độ quản lý di sản văn hóa nhìn nhận từ các nguồn lực của vùng Tây Bắc.

Trong quá trình nghiên cứu, bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp liên ngành như:

Phương pháp thu thập tài liệu, thống kê dùng để

lựa chọn các tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu, đồng thời là tiền đề giúp việc phân tích, đánh giá tổng hợp một cách chính xác và khách quan. Phương pháp chuyên gia: Bài báo đã có sự tham vấn của các chuyên gia là các nhà khoa học tại Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Học viện Dân tộc, Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên,...

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Các nguồn lực phát triển bền vững vùng Tây Bắc

Vùng Tây Bắc là vùng miền núi phía Tây của miền Bắc Việt Nam, có chung đường biên giới với Lào và Trung Quốc. Vùng này có khi được gọi là Tây Bắc Bộ và là một trong 3 tiểu vùng địa lý tự nhiên của Bắc Bộ Việt Nam (2 tiểu vùng kia là vùng Đông Bắc và vùng Đồng bằng sông Hồng).

Địa hình Tây Bắc núi cao và chia cắt sâu, có nhiều

khối núi và dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Dãy Hoàng Liên Sơn dài tới 180 km, rộng 30 km, với một số đỉnh núi cao từ 2800 đến 3000 m. Dãy núi Sông Mã dài 500 km, có những đỉnh cao trên 1800 m. Giữa hai dãy núi này là vùng đồi núi thấp lưu vực sông Đà (còn gọi là địa máng sông Đà). Ngoài sông Đà là sông lớn, vùng Tây Bắc chỉ có sông nhỏ và suối gồm cả thượng lưu sông Mã. Trong địa máng sông Đà còn có một dãy cao nguyên đá vôi chạy suốt từ Phong Thổ đến Thanh Hóa và có thể chia nhỏ thành các cao nguyên Tà Phình, Mộc Châu, Nà Sản. Cũng có các lòng chảo như Điện Biên, Nghĩa Lộ, Mường Thanh.

Về mặt hành chính, vùng Tây Bắc hiện nay gồm 6 tỉnh với diện tích trên 5,645 triệu ha (tỷ lệ 10,5% so với tổng diện tích cả nước) với 4.713.048 dân (tỷ lệ 15,5% so với tổng dân số cả nước), bình quân khoảng 88 người trên 1km².

TT	Tên tỉnh	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
1	Hòa Bình	4.600,30	854.131	185
2	Sơn La	14.123,50	1.248.415	88
3	Điện Biên	9.541,00	598.856	63
4	Lai Châu	9.068,80	460.196	51
5	Lào Cai	6.364,02	730.420	115
6	Yên Bái	6.887,70	821.030	121

Về cơ bản, vùng Tây Bắc là không gian văn hóa của dân tộc Thái, nổi tiếng với điệu múa xòe tiêu biểu là điệu múa xòe hoa rất nổi tiếng được nhiều người biết đến. Mường là dân tộc có dân số lớn nhất vùng. Ngoài ra, còn khoảng 20 dân tộc khác như Mông, Dao, Tày, Khơ Mú, La Hủ, La Ha, Kinh, Nùng,...

Tây Bắc là vùng có sự phân bố dân cư theo độ cao rất rõ rệt: vùng rẻo cao (đỉnh núi) là nơi cư trú của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao, Tạng Miến, với phương thức lao động sản xuất chủ yếu là phát nương làm rẫy, phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên; vùng rẻo giữa (sườn núi) là nơi cư trú của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, phương thức lao động sản xuất chính là trồng lúa cạn, chăn nuôi gia súc và một số nghề thủ công; còn ở vùng thung lũng, chân núi là nơi sinh sống của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Thái - Kadai, điều kiện tự nhiên thuận lợi hơn để phát triển nông nghiệp và các ngành nghề khác. Sự khác biệt về điều kiện sinh sống và phương thức lao động sản xuất cũng gây ra sự khác biệt văn hóa rất lớn.

Tây Bắc có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế

như: Du lịch, dịch vụ và thương mại, khai khoáng, thủy điện... Trong đó, nguồn lực chính được các tỉnh Tây Bắc chú trọng quan tâm, chủ yếu dựa vào hai lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp. Một nguồn lực lớn trong bối cảnh hiện nay, cần được BV&PH giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các DTTS kết hợp với cảnh quan thiên nhiên trong lành, núi non hùng vĩ, ruộng bậc thang... tất cả các yếu tố đó là nguồn lực nội sinh tạo ra sinh kế mới, tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân thông qua các hoạt động thương mại, đặc biệt là phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái...

4.2. Định vị các nguồn lực phát triển bền vững vùng Tây Bắc góp phần bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng

Từ việc nhận diện các nguồn lực phát triển bền vững vùng Tây Bắc gắn với BV&PH giá trị văn hóa DTTS phục vụ phát triển DLCĐ, qua đó phân tích một số vấn đề đặt ra từ góc độ thực tiễn. Trước khi đưa ra các giải pháp, cần nhìn nhận, định vị lại các điều kiện và nguồn lực góp phần BV&PH giá trị văn

hóa các DTTS vùng Tây Bắc một cách khoa học, hiệu quả và khả thi. Bảng khung phân tích SWOT, thông qua các vấn đề cơ bản sau:

4.2.1. Định vị các nguồn lực phát triển bền vững vùng Tây Bắc qua khung phân tích SWOT

Điểm mạnh (Strengths)	Cơ hội (Opportunities)
<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lý nằm trong chiến lược phát triển KT - XH và quốc phòng - an ninh của vùng - Có tiềm năng thế mạnh đặc biệt về du lịch với các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng. - Có cơ cấu dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng cao. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển KT - XH. - Tình hình kinh tế - chính trị ổn định nhận được sự ủng hộ cao từ trung ương và địa phương. - Cơ chế chính sách đầy đủ, toàn diện, thông thoáng là điều kiện cần thiết để BV&PH giá trị văn hóa nói riêng và phát triển KT - XH nói chung. - Trong những năm qua KH - XH của vùng đã có những thành tựu vượt bậc, đặc biệt trong phát triển hạ tầng cơ sở. - Cộng đồng sinh sống tập trung thành bản/làng. Đặc biệt, có nhiều xã của vùng Tây Bắc có cộng đồng DTTS đến trên 90% dân số. Thuận lợi cho công tác BV&PH giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch. - Cộng đồng rất coi trọng, quan tâm đến văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Luôn muốn được BV&PH giá trị DSVH trong bối cảnh hội nhập và phát triển. - Cộng đồng luôn có tinh thần đoàn kết, cần cù trong lao động, quyết chí làm giàu trên mảnh đất quê hương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong khu vực phát triển kinh tế ngày càng năng động, có triển vọng rất lớn trong tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trọng điểm của vùng. - Các chủ trương, chính sách và chỉ đạo kịp thời của trung ương và của các địa phương trong việc lập quy hoạch và triển khai phát triển KT - XH của vùng. - Đời sống ngày càng được nâng cao nên nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được cộng đồng quan tâm BV&PH. - Giao lưu văn hóa với các địa phương trong và ngoài vùng, đặc biệt giao lưu quốc tế là động lực để nhà nước và cộng đồng tăng cường BV&PH giá trị văn hóa. - Cộng đồng các DTTS luôn chủ động, tích cực trong các hoạt động BV&PH giá trị văn hóa và phát triển kinh tế.
Điểm yếu (Weaknesses)	Thách thức (Threats)
<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý và tổ chức thực hiện của Bộ máy quản lý nhà nước về DSVH hoạt động chưa hiệu quả. - Nguồn lực tài chính phục vụ công tác BV&PH giá trị văn hóa còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách của Nhà nước. - Nguồn nhân lực phục vụ công tác BV&PH giá trị DSVH vừa thiếu vừa yếu, cán bộ được đào tạo chuyên ngành trong công tác BV&PH giá trị DSVH không nhiều. - DSVH ngày càng mai một, thất truyền dần rơi vào quên. - Chưa phát huy hết các tiềm năng thế mạnh của địa phương và cộng đồng. - Đời sống còn thấp, chưa đồng đều. - Nhu cầu hưởng thụ văn hóa chưa được định hướng rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự bất ổn về kinh tế thế giới, dẫn đến xu hướng giảm đầu tư vào vùng Tây Bắc gây trở ngại cho việc thực hiện các quy hoạch của các địa phương. - Sự phát triển KT - XH nhanh sẽ dẫn đến gia tăng khoảng cách giàu nghèo. - Sự suy giảm về tổ chức tự quản của cộng đồng không còn chặt chẽ như trước. - Sự bùng phát của công nghệ thông tin gây nhiễu loạn trong cách tiếp cận và hưởng thụ văn hóa, ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng. - Nhận thức của cộng đồng trong BV&PH giá trị văn hóa chưa đồng đều, giới trẻ còn chạy theo các hình thức giải trí hiện đại.

<ul style="list-style-type: none"> - Thế hệ trẻ chưa có nhiều cơ hội sinh hoạt, tiếp cận văn hóa truyền thống của dân tộc. - Không gian văn hóa bị phá vỡ, do mặt trái của sự phát triển. 	
---	--

4.2.2. Chiến lược phát triển

Chiến lược phát huy các điểm mạnh	Chiến lược nắm bắt cơ hội
<ul style="list-style-type: none"> - Phát huy lợi thế nằm trong vị trí địa kinh tế - chính trị, quốc phòng - an ninh trọng yếu. - Thực hiện hiệu quả sự chỉ đạo và sự hỗ trợ của Trung ương cùng với nguồn lực đầu tư tư nhân trong việc thực hiện vững chắc các quy hoạch xét tới tầm nhìn trong tương lai. - Đẩy mạnh phát triển du lịch: khai thác và sử dụng hợp lý các dạng tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Đặc biệt là các dạng tài nguyên về di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, các nét sinh hoạt văn hóa truyền thống của các DTTS. - Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề, đào tạo các ngành nghề mà địa phương cần phát triển chủ yếu là văn hóa, du lịch, công nghiệp chế biến... nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo. - Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các chính sách, chương trình dự án của Trung ương và của vùng nhằm phát triển KT - XH bền vững. - Về cộng đồng DTTS sinh sống tập trung là một lợi thế trong quy hoạch BV&PH giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch. - Cộng đồng có tính cố kết cộng đồng cao là cơ sở vững chắc cho các hoạt động BV&PH giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt các lợi ích từ việc tăng trưởng kinh tế, mở rộng thị trường của Việt Nam và của vùng. Tận dụng tối đa lợi ích từ Mậu dịch tự do với các nước ASEAN và Trung Quốc trong phát triển kinh tế. - Phát huy tối đa các chính sách của Trung ương và của tỉnh từ đó thu hút các nguồn đầu tư lớn vào phát triển hạ tầng cơ sở, các ngành công nghiệp, dịch vụ của vùng. - Tận dụng tối đa các nguồn lực đầu tư từ nước ngoài. Đặc biệt đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ văn hóa, du lịch. - Thực hiện các lộ trình chuyển đổi cơ cấu ngành nghề theo các chương trình dự án của Trung ương và của địa phương đã đề ra. Sớm áp dụng các cơ chế chính sách đặc biệt được sự cho phép của Trung ương. - Đời sống cộng đồng ngày càng được nâng cao. - Cộng đồng ngày càng nhận thức vị trí và vai trò quan trọng của BV&PH giá trị văn hóa nên có nhiều hoạt động tích cực. - Giao lưu văn hóa được mở rộng giúp cộng đồng nhận diện được các giá trị văn hóa của dân tộc mình và có những phương thức BV&PH giá trị văn hóa ngày càng hiệu quả và bền vững hơn.
Chiến lược khắc phục điểm yếu	Chiến lược loại bỏ thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về di sản văn hóa, thực hiện tốt Đề án tinh giản bộ máy biên chế. - Tăng cường nguồn lực tài chính cho công tác BV&PH giá trị DSVH văn hóa. Gắn việc bảo tồn với phát triển các dịch vụ văn hóa. - Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ làm công tác BV&PH giá trị văn hóa tại cơ sở. - BV&PH đi liền với việc sáng tạo và trao truyền các giá trị DSVH phù hợp với xu hướng phát triển nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa. - Nâng cao đời sống của cộng đồng, đặc biệt là các nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần. - Quan tâm đến việc nuôi dưỡng và trao truyền DSVH đến thế hệ trẻ. Đa dạng các hình thức giảng dạy trong nhà trường và cộng đồng về giáo dục di sản văn hóa. - Tăng cường tính cố kết cộng đồng trong các hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì nhịp độ tăng trưởng, chú trọng sử dụng các nguồn vốn đầu tư vào các ngành kinh tế mang hiệu quả cao và bền vững (du lịch, dịch vụ...). - Tạo các cơ chế mới, linh hoạt, hiệu quả, giải phóng các tiềm năng bằng sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có. - Hướng đến phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến không gian BV&PH các giá trị văn hóa và không gian phát triển của ngành du lịch, dịch vụ. - Tạo sự khác biệt của ngành du lịch với các địa phương và các nước trong khu vực thông qua việc phát huy và phát triển các loại hình du lịch văn hóa gắn với cộng đồng các DTTS của vùng. - Tạo việc làm dồi dào theo lĩnh vực ngành nghề, đảm bảo an sinh xã hội và giảm chênh lệch giàu nghèo.

<p>động BV&PH giá trị văn hóa thông qua các tổ chức cộng đồng, tăng cường vai trò tự chủ, tự quản và tự quyết của cộng đồng.</p>	<p>- Tăng cường vai trò của các tổ chức cộng đồng. Đa dạng các hoạt động, hỗ trợ cộng đồng trong các thực hành văn hóa.</p> <p>- Định hướng thế hệ trẻ tiếp cận thông tin, vui chơi giải trí thông qua các hoạt động giáo dục di sản tại gia đình, cộng đồng và nhà trường.</p>
--	---

5. Thảo luận

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã đề ra quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp cơ bản cho việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa; Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”. “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định mục tiêu và nhiệm vụ phát triển văn hóa đến năm 2020, trong đó có mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, vừa phát huy mạnh mẽ tinh đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hóa các dân tộc anh em. Đi đôi với việc tăng cường đầu tư của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa, coi văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững, gắn giữa nhiệm vụ phát triển văn hóa, làm cho văn hóa tham gia tích cực vào việc thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” của đất nước.

Có thể thấy rằng, quan điểm của Đảng về vai trò

của văn hóa là “sức mạnh nội sinh của phát triển”. Sức mạnh nội sinh ấy từ mọi nguồn lực của đất nước trong đó nguồn lực văn hóa là vô cùng quan trọng, là nền tảng bền vững cho sự phát triển. Do vậy, trong thời gian tới cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

5.1. Nhóm giải pháp quản lý nhà nước

- *Giải pháp về cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về văn hóa của địa phương*

+ Đẩy mạnh thực hiện công tác xây dựng, hoàn thiện, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch mới. Trong các quy hoạch mới cần đảm bảo tính hệ thống và toàn diện đến các vấn đề phát triển KT - XH vùng DTTS và miền núi.

+ Trong quy hoạch dân cư phải quan tâm đến BV&PH giá trị văn hóa. Tại các cộng đồng DTTS có quy mô dân số cao. Cần quy hoạch thành làng văn hóa dân tộc nhằm bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển KT - XH tại địa phương, đặc biệt trong phát triển du lịch.

+ Tập trung phối hợp cùng cộng đồng tham gia xây dựng và ban hành quy ước, hương ước tại cộng đồng nhằm phát huy vai trò luật tục, vai trò cộng đồng tự quản trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- *Giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý di sản văn hóa*

+ Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn các khóa học ngắn hạn cho các cán bộ văn hóa cơ sở. Các kiến thức cần phải giải quyết các vấn đề đặt ra trong công tác quản lý tránh tình trạng thời gian tổ chức các lớp bồi dưỡng tập huấn ngắn ngày mà kiến thức thì quá rộng, không trọng tâm, trọng điểm làm cho học viên không nắm được các vấn đề cơ bản và khó áp dụng vào thực tiễn của địa phương.

+ Đào tạo theo nhu cầu của địa phương và các ban, ngành chức năng về lĩnh vực văn hóa. Theo nhu cầu thực tiễn của cơ quan và mong muốn của cán bộ, lãnh đạo quyết định cử cán bộ tham gia vào các chương trình đào tạo chuyên ngành từ bậc đại học đến sau đại học nhằm nâng các chất lượng nguồn nhân lực trong ngành văn hóa.

- *Giải pháp về giáo dục di sản văn hóa trong cộng đồng và nhà trường*

+ Di sản văn hóa là tài sản chung của cả cộng

đồng. Việc BV&PH giá trị văn hóa là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi thành viên trong cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, do vậy giáo dục văn hóa truyền thống là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cá nhân và cả cộng đồng theo phương châm người biết nhiều dạy người biết ít, nghệ nhân trao truyền các kỹ thuật về tri thức văn hóa cho các học trò, trong mỗi gia đình, mỗi dòng họ ông bà, cha mẹ trao truyền cho con cháu những bí kíp gia truyền...

- *Giải pháp về hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế về hoạt động BV&PH các giá trị văn hóa*

+ Hợp tác thực hiện với các tổ chức, cá nhân trong sản xuất các chương trình giao lưu văn hóa, quảng bá hình ảnh đất và người khu vực Tây Bắc trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt các chương trình quốc tế giới thiệu về Việt Nam trong đó có Tây Bắc.

+ Tăng cường các chương trình giao lưu văn nghệ tại các sự kiện văn hóa mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế nhằm trao đổi các đoàn nghệ thuật, nắm bắt cơ hội hợp tác văn hóa.

5.2. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng

- *Giải pháp về nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc BV&PH di sản văn hóa*

+ Trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất đồng bào DTTS Tây Bắc đã sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Họ chính là chủ thể sáng tạo ra các giá trị DSVH đó. Chính vì vậy, việc BV&PH giá trị di sản văn hóa được hay không còn tùy thuộc vào nhận thức, thái độ và tâm thế của mỗi thành viên trong cộng đồng. Do vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

+ Giúp cộng đồng nhận diện giá trị văn hóa truyền thống có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống đương đại và thực trạng các giá trị đó đang ngày càng bị mai một và thất truyền. Việc BV&PH giá trị văn hóa truyền thống xuất phát từ chính nhu cầu của cộng đồng và chính cộng đồng là người đang thực hiện công việc bảo vệ, vai trò của Nhà nước và các bên liên quan chỉ là định hướng và hỗ trợ.

+ Cộng đồng cần nhận thức DSVH là một tài sản, một vốn sinh kế trong phát huy nội lực nhằm phát triển KT - XH, đặc biệt gắn liền với phát triển du lịch. Từ tâm thế bảo vệ một cách thụ động, bảo vệ theo các chương trình của nhà nước, của các tổ chức bên ngoài cộng đồng, cộng đồng chủ động hơn với tâm thế làm cho chính mình. Chỉ có nhận thức đúng đắn mới có thể BV&PH giá trị văn hóa truyền thống

một cách hiệu quả và bền vững.

- *Giải pháp về phát huy vai trò gia đình, dòng họ và cộng đồng trong việc trao truyền di sản văn hóa*

+ Mỗi cá nhân phải nhận thức được tầm quan trọng của DSVH, từ đó luôn có ý thức học hỏi vốn văn hoá cổ truyền của dân tộc để bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

+ Gia đình phải thực hiện đúng chức năng, vai trò và trách nhiệm của gia đình: nuôi dưỡng, truyền dạy DSVH dân tộc, đạo nghĩa, đạo hiếu... Phát triển kinh tế bền vững phải dựa trên những chuẩn mực văn hoá truyền thống của dân tộc.

+ Tăng cường vai trò của dòng họ, gia tộc trong việc giáo dục con cháu về cội nguồn dân tộc, hiếu kính, trao truyền DSVH, bí kíp gia truyền... những tri thức văn hoá đó cần phải làm cho nó luôn sống mãi, không bị mai một, theo những người già về thế giới bên kia.

+ Cộng đồng là nơi giữ gìn nhiều yếu tố văn hoá, phong tục tập quán truyền thống nhất. Tuy nhiên, phải biết “gạn đục khơi trong”, phải nhận thức cho đúng các giá trị văn hoá đích thực, biết loại bỏ những hủ tục, mê tín không còn phù hợp đã được khoa học chứng minh. Biết làm sống lại và nhân lên các mỹ tục như: các điệu Dân ca, Soọng cô, Hội xuân... những giá trị đã làm nên bản sắc dân tộc.

6. Kết luận

Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch cộng đồng ở vùng DTTS Tây Bắc là một chủ đề không mới nhưng được các tổ chức công tư, các nhà quản lý, các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Bởi, văn hóa là sản phẩm tinh thần của xã hội, phục vụ nhu cầu xã hội và trong quá trình quản lý văn hóa nảy sinh nhiều vấn đề cần phải có các giải pháp quản lý, BV&PH trong từng bối cảnh, môi trường cụ thể. Nhận diện và đánh giá các nguồn lực phục vụ nhu cầu phát triển bền vững là một việc không hề dễ dàng, đòi hỏi phải có cái nhìn khách quan, toàn diện dựa vào các luận cứ khoa học để đề xuất các giải pháp hữu hiệu, bởi văn hóa tham gia vào mọi quá trình, hoạt động lao động, sản xuất, nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần của cộng đồng.

Trên cơ sở định vị các nguồn lực phát triển của vùng Tây Bắc và dựa vào định hướng của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh phát triển hội nhập hiện nay nhằm đề xuất một số nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về DSVH và phát huy vai trò cộng đồng trong BV&PH giá trị văn hóa các DTTS vùng Tây Bắc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

Hương, P.T.T.; Ngọc, P.T.B. (Đồng Chủ biên) (2018), *Giáo trình Hành vi tổ chức*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

Phê, H. (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

Phượng, L.T.T. (2017), *Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa tộc người trong mối quan hệ với phát triển du lịch (Nghiên cứu trường hợp người Dao Quần trắng thôn Ngòi Tu, xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái)*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.

UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, họp phiên thứ 32 tại Paris.

UNESCO (2005), *Công ước Bảo vệ và phát huy sự*

đa dạng của các biểu đạt văn hóa, họp phiên thứ 33 tại Paris.

J.H. Fichter (1973), *Xã hội học*, Nxb Hiện đại, Sài Gòn.

Thịnh, N.Đ. (2014), “*Giá trị văn hóa Việt Nam - truyền thống và biến đổi*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

luatminhkhue.vn, *Phát triển bền vững là gì ? Quy định pháp luật về phát triển*, truy cập ngày 23/3/2025

<https://asiafoundation.org/resources/pdfs/Guidance-manualtodevelopcommunitybasedtourismVietnamesversion.pdf>, viewed on 23/3/2025

https://vi.wikipedia.org/wiki/Vùng_Tây_Bắc_Việt_Nam, truy cập ngày 23/3/2025

**ĐỊNH VỊ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG TÂY BẮC
GÓP PHẦN BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ
GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG**

Trần Quốc Hùng

Học viện Dân tộc

Email: tranquochungxhh@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/01/2025; Ngày phản biện: 22/02/2025; Ngày tác giả sửa: 12/3/2025; Ngày duyệt đăng: 22/3/2025; Ngày phát hành: 30/3/2025

DOI: <https://doi.org/.../.../...>

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-9486-9783>

Tây Bắc là vùng đất địa chính trị, địa văn hóa có vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH), đảm bảo ổn định quốc phòng - an ninh. Chính vì vậy, chiến lược phát triển bền vững vùng Tây Bắc luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm trong các chủ trương, đường lối, chính sách. Từ trước tới nay, khi nhắc đến vùng Tây Bắc, ta thường có những nhận định ban đầu đó là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, núi non hiểm trở, vùng đặc biệt khó khăn, vùng cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)... Tuy nhiên, nếu nhìn nhận và đánh giá khách quan, khoa học, biết nắm bắt các cơ hội, vượt qua thách thức thì vùng Tây Bắc không phải “lỗi nghèo” mà là vùng giàu tài nguyên, giàu nguồn lực và đó chính là tiềm năng, thế mạnh để phát triển KT - XH bền vững vùng Tây Bắc.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả bàn thảo về vấn đề nhận diện và định vị các nguồn lực trong quá trình phát triển bền vững vùng Tây Bắc thông qua việc bảo vệ và phát huy (BV&PH) giá trị văn hóa DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ), một lợi thế rất lớn nhằm phát triển KT - XH vùng Tây Bắc.

Từ khóa: Phát triển bền vững; Bảo vệ và phát huy; Giá trị văn hóa; Dân tộc thiểu số; Du lịch cộng đồng.